

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ Q Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI
 Bản án số: 36/2018/HS-ST
 Ngày 23/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q,
TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

Ông Nguyễn Văn Tấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2018/QĐXXST - HS, ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn P, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: tổ 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T (chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ: Huỳnh Thị Kim L và 01 con, sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: chưa vi phạm pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2018; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phan Thị Bích X, Luật sư của văn phòng luật sư Phan Thị Bích X, thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Lê Văn P, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Tổ 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2/ Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Tổ 8, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Mỹ H; sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 09/5/2018, Lê Văn P điều khiển xe mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS màu đen bạc, biển số 76U1 – 06910 đi cướp giật tài sản. Khi đi trên đường Hùng Vương đến đoạn gần Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi, P phát hiện chị Võ Thị T đang điều khiển xe máy đi cùng chiều phía trước, trên vai chị T có đeo 01 túi xách thổ cẩm, màu đen. P đi theo sau chị T và điều khiển xe vượt lên áp sát về bên phải chị T, dùng tay trái giật túi xách rồi điều khiển xe tẩu thoát, đi đến khu vực gần nhà mình, P dùng xe kiểm tra bên trong túi xách có tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng; 900.000 đồng, giấy tờ tùy thân của chị Võ Thị T và 01 chìa khóa xe máy tự động. P lấy điện thoại, tiền rồi vứt túi xách cùng các tài sản khác tại địa điểm trên. P điều khiển xe mô tô về nhà, điện thoại di động hiệu OPPO A83 cướp giật được P cắt đầu trong hộp tủ để ti vi; số tiền 900.000 đồng, P đưa cho vợ là Huỳnh Thị Kim L giữ.

Ngày 14/5/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q làm việc với P, tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q, P đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của chị T. Khám xét tại nhà P, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng; 900.000 đồng; 01 xe máy hiệu YAMAHA-SIRIUS, màu đen bạc, biển số 76U1 – 06910; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 76U1 – 06910; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn P.

Tại Bản kết luận số: 24/KL-HĐĐGTTTHS ngày 15/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q xác định: 01 túi xách bằng vải thổ cẩm, màu đen, trị giá: 20.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng, trị giá: 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn P đã thực hiện hành vi cướp giật là: 3.920.000 đồng.

Bản cáo trạng số 31/QĐ-VKS ngày 11 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường xong, không còn yêu cầu gì khác nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng:

Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng; số tiền 900.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Võ Thị T.

Chiếc xe Mô tô hiệu YAMAHA-SIRIUS màu đen bạc mang biển số 76U1 – 06910 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 76U1 – 06910, qua điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo P). Khi bị cáo P mượn xe, bà N không biết P đã dùng xe này để thực hiện hành vi cướp giật tài sản

nên đã trả lại cho chủ sở hữu là bà N; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn P, đã trả lại cho gia đình bị cáo P; bà N không còn yêu cầu gì nên không đề cập.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn P trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con còn nhỏ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án từ 12 đến 18 tháng tù để bị cáo có điều kiện cải tạo sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ, ngày 09/5/2018 bị cáo đã điều khiển xe máy hiệu YAMAHA-SIRIUS màu đen bạc, biển số 76U1 – 06910 áp sát và giật túi xách của chị Võ Thị T tại đường Hùng Vương đoạn gần Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi thuộc phường Trần Phú, thành phố Q rồi bỏ chạy, Tài sản cướp giật gồm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng; 900.000 đồng, giấy tờ tùy thân của chị Võ Thị T và 01 chìa khóa xe máy tự động, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 3.920.000 đồng. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn P phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị Võ Thị T được pháp luật bảo vệ mà còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chị T và người tham gia giao thông. Bị cáo lợi dụng đêm tối, dùng xe Mô

tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây hoang mang lo sợ cho nhân dân nên cần phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ là tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị T đã nhận tiền bồi thường tiền làm lại chìa khóa xe Mô tô tự động và tiền mua túi xách thổ cẩm, chị T không có yêu cầu gì khác nên hội đồng xét xử không xét.

[6] Về vật chứng:

- Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A83, màu hồng và 900.000 đồng thu giữ đã trả lại chị Võ Thị T. Chị T nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe máy hiệu YAMAHA-SIRIUS màu đen bạc mang biển số 76U1 – 06910 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy biển số 76U1 – 06910, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị N (mẹ của bị cáo P). Bà N cho bị cáo mượn xe, bị cáo P đã dùng xe này để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bà N hoàn toàn không biết; Cơ quan điều tra đã trả lại xe và giấy đăng ký mô tô, xe máy cho bà N là đúng pháp luật. Bà N đã nhận lại tài sản, không còn yêu cầu khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn P đã trả lại cho gia đình bị cáo, bị cáo P không có yêu cầu gì nên không xét.

[7] Đối với chị Huỳnh Thị Kim L, vợ của bị cáo P, khi bị cáo P đưa cho chị L 900.000 đồng để cất giữ, chị L không biết số tiền này do phạm tội mà có nên không có dấu hiệu hình sự. Chị L đã giao nộp lại 900.000 đồng cho Cơ quan điều tra để trả cho người bị hại là đúng pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị N chủ sở hữu chiếc xe Mô tô biển số 76U1 – 06910 cho bị cáo P mượn xe Mô tô, bà N không biết bị cáo P đã sử dụng xe này để thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên không có dấu hiệu hình sự, trả xe cho bà N là đúng pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, phần hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, t khoản 1 Điều 51 và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để đề nghị cho bị cáo Lê Văn P hưởng mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Luật sư cho rằng bị cáo P chỉ xâm phạm đến tài sản, không xâm phạm đến sức khỏe của chị T, số tiền chiếm đoạt ít là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h là chưa đúng, bị cáo lợi dụng đêm tối, dùng xe Mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản gây hoang mang lo sợ cho nhân dân, cho chị T, bị cáo ý thức được hành vi của bị cáo sẽ làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của chị T và người tham gia giao thông khác nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tình tiết tích cực hợp tác với cơ quan

có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại điểm t không có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, luật sư chỉ đề nghị, không nêu ra được căn cứ nên bị cáo không được hưởng. Việc đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 để đề nghị bị cáo được hưởng mức án từ 12 đến 18 tháng tù của luật sư là không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo P, không đảm bảo để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Các đề nghị khác của luật sư là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn P 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNg;
- VKSND TP, tỉnh QNg;
- CQĐT CATP.Q;
- CQ THAHS CATP.Q;
- NTG CATP.Q;
- CC THADS TP.Q;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hậu